

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2017

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tin.
2. Bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 29-6-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mạc Thị D, sinh năm 1968.

Tên gọi khác là Mạc Thị N.

Địa chỉ cư trú: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang ở: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Mạc Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Q vào ngày 10-12-1991 được đăng kí tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn anh

chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhiều lần anh Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H nhưng sau đó lại quay về tiếp tục chung sống cùng chị. Từ năm 2015 đến nay, anh Q về ở luôn xã H, không quay về chung sống cùng chị và các con. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-10-1994. Hiện các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Tại biên bản làm việc ngày 10-5-2017, anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh và chị D được đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K vào năm 1991. Trước lúc kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hòa hợp về tính cách và quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Anh đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H sinh sống từ năm 2015. Kể từ đó đến nay anh chị sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh thấy cuộc sống chung không thể kéo dài hơn, nếu chị D muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý để giải phóng cho chị.

Về con chung: anh Q cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như chị D trình bày. Do các con đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-5-2017, anh Q lại xác định tình trạng vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị D nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con chung. Chị D xin ly hôn thì anh không đồng ý, nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì do chị D tự giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q, còn anh Q muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để các con có đủ cả bố và mẹ.

Đại diện VKSND huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 71 của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70 và 72 của BLTTDS nhưng tại phiên tòa, bị đơn đã có mặt và thực hiện nghiêm túc nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Xử cho chị Mạc Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: chị Mạc Thị D (tên gọi khác là Mạc Thị N) và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 10-12-1991, có đăng ký tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh Q đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhưng sau đó vẫn trở về và tiếp tục chung sống cùng chị D. Đến đầu năm 2015, anh Q lại về nhà bố mẹ đẻ và anh chị sống ly thân từ đó tới nay, không còn liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại lời khai ban đầu anh Q nhất trí ly hôn nhưng sau đó lại thay đổi muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên kể từ khi Tòa án thụ lý, tình trạng của vợ chồng không được cải thiện. Anh Q cũng thừa nhận hai bên không gặp gỡ, nói chuyện, không có giải pháp gì để hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị D xử cho chị D được ly hôn với anh Q.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn N đều sinh ngày 18-10-1994. Hiện các con đều đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị D (tên gọi khác là Mạc Thị N) được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí: Chị Mạc Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001560 ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, Hải Dương, chị D đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà